

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4, TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DS-ST

Ngày: 18-9-2025.

*“V/v Tranh chấp thoả thuận
sử dụng thẻ tín dụng”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ**.

Bà **Trương Thị Mỹ Hạnh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 07 năm 2025 về “*Tranh chấp thoả thuận sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2025/QĐXXST-DS ngày 03/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**. Địa chỉ: Số B - B N, phường V, quận C, TP . Hồ Chí Minh

Người đại diện: Ông Lê Văn P vụ: Trưởng phòng Giao dịch Liên Chiểu

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trực tiếp : Ông Trần Đức N– Chức vụ: Chuyên viên; Theo giấy ủy quyền ngày 09/10/2024.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Kim Như** - sinh năm 1996; Địa chỉ: Số A, phường H, TP . Vũng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2024 và các bản tự khai ngày 09/10/2024, và tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ông Trần Đức N trình bày:

Ngày 14/05/2019, Ông NGUYỄN KIM NHƯ có ký với Ngân hàng TMCP S(gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của Ông NGUYỄN KIM NHƯÝ, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 29.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân; VS payWave Cre Classic 472074-5129. Sau khi được cấp tín dụng Ông NGUYỄN KIM NHƯ' đã thực hiện 44 giao dịch với tổng số tiền là 283.894.124 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay Ông NGUYỄN KIM NHƯ' đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 281.889.741 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Sau thời gian sử dụng, Ông NGUYỄN KIM NHƯ' vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 22/01/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Ông NGUYỄN KIM NHƯ' Ý và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 1 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 08/10/2024, Ông NGUYỄN KIM NHƯ' còn nợ ngân hàng các khoản sau :

- Dư nợ: 33.966.625 đồng
 - Lãi quá hạn : 4.071.253 đồng
 - Lãi trong hạn : 8.142.507 đồng
- Tổng cộng: 46.180.383 đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn ba trăm tám mươi ba đồng chẵn)

Lãi suất trong hạn : 2,77 %/tháng.

Lãi suất quá hạn : 4,155 %/tháng (2,77% x 150%). Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Như Ý có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Như Ý vẫn chưa thanh t cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Q giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn.

Buộc Ông NGUYỄN KIM NHƯ' phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/10/2024 là: 46.180.385 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn ba trăm tám mươi ba đồng), trong đó:

- Dư nợ: 33.966.623 đồng
 - Lãi quá hạn : 4.071.253 đồng
 - Lãi trong hạn : 8.142.507 đồng
- Tổng cộng: 46.180.383 đồng

(Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng)

Buộc ông **Nguyễn Kim Như** phải thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 08/10/2024 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký. Ngày 14/5/2019, ông **Nguyễn Kim Như** có ký với Ngân hàng TMCS Shop đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T hàng đã cấp hạn mức tín dụng 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng) với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn: 2.60%/tháng, lãi suất quá hạn: 3,9%/tháng (2.6% x 150%).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử (lần 01 ông Ý có mặt), Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông **Nguyễn Kim Như** không có ý kiến phản hồi, không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông **Nguyễn Kim Như** .

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Buộc **Nguyễn Kim Như** thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (tạm tính đến ngày 08/10/2024) là: 46.180.383 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: Dư nợ gốc: 33.966.623 đồng; Lãi quá hạn: 4.071.253 đồng; Lãi trong hạn: 8.142.507 đồng. (không yêu cầu tính lãi, phí tiếp theo của hợp đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông **Nguyễn Kim Như Ý** - sinh năm 1996; Địa chỉ: Số A, phường H, TP . nên vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - TP Đà Nẵng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2025.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP S cầu Tòa án giải quyết, buộc ông **Nguyễn Kim Như Ý** có ký với Ngân hàng TMCP S(gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng*” khoản 15 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2025.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông **Nguyễn Kim Như Ý** nhưng ông Ý vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông **Nguyễn Kim Như** phải trả cho

Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày **08/10/2024** là: 46.180.383 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn ba trăm tám mươi ba đồng), trong đó:

- Dư nợ: 33.966.623 đồng;
 - Lãi quá hạn : 4.071.253 đồng;
 - Lãi trong hạn : 8.142.507 đồng;
- Tổng cộng: 46.180.385 đồng.

(Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn ba trăm tám mươi ba đồng)
Ngoài ra Ngân hàng không yêu cầu lãi, phí phát sinh từ ngày 09/10/2024.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 14/05/2019, ông **Nguyễn Kim Như** có ký với Ngân hàng TMCP S(gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay ông **Nguyễn Kim Như** đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 281.889.741 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Sau thời gian sử dụng, ông **Nguyễn Kim Như** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 22/01/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông **Nguyễn Kim Như** và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 1 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở và đôn đốc nhưng ông Ý vẫn chây lỳ từ ngày 21/01/2024 cho đến nay.

Như vậy, do Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó HĐXX căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 317, 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ nói trên.

[3]. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông **Nguyễn Kim Như** trả số tiền gốc và lãi, phí tổng cộng 46.180.383 đồng tính đến **08/10/2024** và không yêu cầu tính lãi, phí tiếp theo hợp đồng từ ngày 09/10/2025; Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2025 nên cần được chấp nhận.

[4]. Đối với lời đề nghị của VKS: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, xét thấy phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là: 2.039.019 đồng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi 2025;

Điều 317, 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 15 Điều 4; Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần S** đối với **Nguyễn Kim Như** về “*Tranh chấp thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng*”.

Buộc **Nguyễn Kim Như** thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (tạm tính đến ngày 08/10/2024) là: 46.180.383 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng), trong đó: Dư nợ gốc: 33.966.623 đồng; Lãi quá hạn: 4.071.253 đồng; Lãi trong hạn: 8.142.507 đồng. (không yêu cầu tính lãi, phí tiếp theo hợp đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 2.309.019 đ. (hai triệu ba trăm lẻ chín ngàn, không trăm mười chín đồng) ông **Nguyễn Kim Như** phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.154.509 đồng (*bảy triệu một trăm hai mươi chín ngàn hai trăm chín mươi hai đồng y*) theo biên lai thu số 7629 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu Vực 4- Đà Nẵng;
- THADS Khu Vực 4 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

